

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 84

GIẢI THÍCH PHẨM BẢY MƯƠI (tiếp): BA TUỆ

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có sở vi, không có sở tác thì không nên phân biệt có ba thừa Thanh-văn, Bích-chi Phật và Phật thừa.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Trong các pháp không có sở vi, không có sở tác thì không có phân biệt; trong pháp có sở vi, có sở tác thì có phân biệt. Vì sao? Vì người phàm phu không nghe được Thánh pháp, chấp trước năm thọ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chấp trước Thí Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy nghĩ có sắc ấy, được sắc ấy cho đến nghĩ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy. Bồ-tát ấy nghĩ rằng, ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ độ chúng sinh. Nay Tu-bồ-đề! Ta dùng năm mắt xem xét còn không thấy được sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống là người ngu cuồng không có mắt mà muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát chúng sinh?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Phật dùng năm mắt xem xét không thấy có chúng sinh có thể độ, sao nay Thế Tôn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phân biệt chúng sinh có ba nhóm: Nhóm chánh định, nhóm tà định, và nhóm bất định?

Phật dạy: Nay Tu-bồ-đề! Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc đầu không thấy có ba nhóm chúng sinh hoặc chánh định, hoặc tà định, hoặc bất định, vì chúng sinh có ý tưởng cho rằng có pháp, không pháp, Ta muốn trừ vọng tưởng chấp trước ấy nên theo pháp thế tục mà nói có được, chứ chẳng phải theo đệ nhất nghĩa.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải trụ trong đệ nhất nghĩa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong điên đảo được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không trú trong đệ nhất nghĩa được, cũng không trú trong điên đảo được, vậy có phải không có Thế Tôn không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Phật dạy: Không. Ta thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có chỗ trú hoặc nơi tướng hữu vi, hoặc nơi tướng vô vi. Thí như người Phật biến hóa ra không trú nơi tướng hữu vi, không trú nơi tướng vô vi mà người biến hóa cũng có đến có đi, cũng ngồi cũng đứng. Nay Tu-Bồ-đề! Người biến hóa ấy hoặc hành Thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, hoặc hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; hoặc tam-muội Không, tam-muội Vô tướng, tam-muội vô tác; hoặc hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; hoặc bội xả, định chín thứ lớp, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn trí không ngại, đại từ đại bi, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển Pháp luân. Người biến hóa ấy hóa làm vô lượng chúng sinh có ba nhóm. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Người biến hóa ấy có hành Thí Ba-la-mật cho đến ở ba nhóm chúng sinh chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Nay Tu-bồ-đề! Phật cũng như vậy, biết các pháp như biến hóa, như người biến hóa độ chúng sinh biến hóa, không thật có chúng sinh có thể độ. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật giống như người Phật biến hóa hành.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp như biến hóa, vậy Phật cùng với người biến hóa có gì sai khác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật cùng với người biến hóa không có sai khác. Vì sao? Vì Phật có tạo tác, người biến hóa cũng có thể có tạo tác.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có Phật, thì riêng người biến hóa có thể có tạo tác chăng?

Phật dạy: Có thể có tạo tác.

Tu-bồ-đề thưa: Làm sao không có Phật mà người biến hóa có thể có tạo tác?

Nay Tu-bồ-đề! Thí như quá khứ có Phật hiệu là Tu-kiến-đa, vì muốn độ Bồ-tát nên hóa làm Phật, xong liền tự diệt độ. Vì Phật biến hóa ấy trụ nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho Bồ-tát hành giả xong mới diệt

độ. Hết thấy chúng sinh trong thế gian cũng biết Phật thật diệt độ. Nay Tu-bồ-đề! Người biến hóa ấy cũng không sinh không diệt. Như vậy, Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên tin biết các pháp như huyễn hóa.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Phật và người Phật biến hóa ra không có sai khác, làm sao khiến bố thí thanh tịnh; như người cúng dường Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết-bàn, phước đức không cùng tận; nếu cúng dường vị hóa Phật, người ấy cho đến khi được Vô dư Niết-bàn, phước đức cũng có thể không cùng tận ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Phật vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người; hóa Phật cũng vì thật tướng các pháp nên làm ruộng phước cho chúng sinh và trời người. Nay Tu-bồ-đề! Gác qua phước đức gieo trồng được nơi Phật và hóa Phật ấy, nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân chỉ đem tâm cung kính niệm Phật, do thiện căn ấy cho đến khi hết khổ, thì phước đức kia không cùng tận. Nay Tu-bồ-đề! Gác qua việc tâm cung kính niệm Phật ấy, nếu người thiện nam kẻ thiện nữ chỉ dùng một cành hoa rải lên hư không và niệm Phật, cho đến khi hết khổ, thì phước kia không cùng tận. Nay Tu-bồ-đề! Gác qua việc tâm cung kính niệm Phật, rải hoa niệm Phật ấy, nếu có người một lần xưng “Nam mô Phật”, cho đến khi hết khổ, thì phước kia không cùng tận. Như vậy, trong ruộng phước của Phật gieo trồng, phước kia không cùng tận. Vì vậy nên biết Phật và hóa Phật không có sai khác, vì thật tướng các pháp không có sai khác. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên như vậy hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào trong thật tướng các pháp, thật tướng các pháp ấy không hư hoại; đó là tướng Bát-nhã Ba-la-mật cho đến tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không hư hoại.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp không hư hoại, cố sao Phật gọi các pháp tướng, nói rằng là sắc, là thọ, tướng, hành, thức, là nội pháp, ngoại pháp, là thiện pháp, là bất thiện pháp, là hữu lậu, vô lậu, là thế gian, xuất thế gian, là pháp có tránh, pháp không tránh, là pháp hữu vi, pháp vô vi...? Bạch đức Thế Tôn! Như vậy có phải không hoại pháp tướng chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Không. Vì sao? Vì tướng danh tự nên Ta chỉ bày các pháp để chúng sinh hiểu rõ, Phật không phá hoại thật tướng của pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu do tướng danh tự nên Phật thuyết pháp để cho chúng sinh hiểu rõ, thì bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp không có danh, không có tướng, thì làm sao dùng danh tướng để chỉ dạy cho chúng sinh được hiểu?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Theo pháp thế tục có danh có tướng, thật không có chỗ chấp trước. Thí như người phàm phu nghe nói khổ, chấp trước danh, theo tướng, còn Phật và đệ tử không chấp trước danh, không theo tướng. Nếu đối với danh chấp danh, đối với tướng chấp tướng, thì đối với không cũng nên chấp không, đối với vô tướng cũng nên chấp vô tướng, vô tác cũng nên chấp vô tác, thật tế cũng nên chấp thật tế, pháp tính cũng nên chấp pháp tính, vô vi cũng nên chấp vô vi? Này Tu-bồ-đề! Hết thấy pháp chỉ có danh và tướng, pháp ấy không ở trong danh tướng. Như vậy, Bồ-tát chỉ ở trong danh tướng hành Bát-nhã Ba-la-mật, ở trong danh tướng ấy cũng chẳng nên chấp trước.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, vậy thì Bồ-tát vì ai nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chịu mọi sự lao khổ khi Bồ-tát hành đạo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hành bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, hành không hạnh, vô tướng hạnh, vô tác hạnh, mười lực của Phật cho đến đại từ đại bi?

Phật dạy: Như lời Tu-bồ-đề nói, nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ-tát vì ai nên hành Bồ-tát đạo? Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì danh tướng ấy gọi là tướng không của tướng; vì vậy nên Bồ-tát hành Bồ-tát đạo, được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng rồi, chuyển pháp luân; chuyển pháp luân rồi, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh. Danh tướng ấy cũng không sinh, không diệt, không trụ dị.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Phật nói Nhất thiết trí, nói Đạo chủng trí, nói trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy có gì sai khác?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật; Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát; trí Nhất thiết chủng là trí của Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì nên Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết là chỉ cho pháp trong, pháp ngoài mà Thanh-văn, Bích-chi Phật biết được, nhưng không thể dùng trí Nhất thiết đạo, Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề thưa: Vì nhân duyên gì Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Nhất thiết đạo, hàng Bồ-tát nên biết, hoặc là

đạo Thanh-văn, Bích-chi Phật, đạo Bồ-tát phải biết đầy đủ, cũng phải biết đạo ấy độ chúng sinh mà không tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như Phật nói Bồ-tát nên đầy đủ các đạo, không nên do đạo ấy tác chứng thật tế ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát chưa nghiêm tịnh cõi Phật, chưa thành tựu tuệ giác cho chúng sinh, khi ấy chưa nên tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trú trong đạo nên tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong đạo và chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo tác chứng thật tế ư?

Phật đáp: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát trụ chỗ nào tác chứng thật tế?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Ý ông nghĩ sao? Ông trú trong đạo, vì không lãnh thọ các pháp nên sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát chẳng?

Tu-bồ-đề thưa: Không.

Ông trú trong chẳng phải đạo lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong đạo chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông trú trong chẳng phải đạo chẳng phải chẳng phải đạo, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn. Con không có chỗ trú, không lãnh thọ các pháp, lậu hoặc sạch hết, tâm được giải thoát.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát cũng như vậy, không có chỗ trú nên tác chứng thật tế.

Tu-bồ-đề thưa: Thế nào là tướng của trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Vì một tướng nên gọi là trí Nhất thiết chủng, đó là tướng các pháp tịch diệt. Lại nữa, đối với hành, loại, tướng mạo, danh tự các pháp hiển bày, thuyết giảng, Phật như thật biết, do vậy gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, trí Nhất thiết chủng, ba trí ấy dứt kiết sử có sai khác, có cùng tận, có dư thừa chăng?

Phật dạy: Dứt phiền não không sai khác. Chư Phật đều dứt hết phiền não và tập khí, còn Thanh-văn không dứt hết phiền não và tập khí.

Bạch đức Thế Tôn! Các người ấy không được pháp vô vi, có dứt được phiền não ư?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật dạy: Không.

Bạch đức Thế Tôn! nếu trong pháp vô vi không có sai khác, cứ sao nói người ấy phiền não tập khí dứt, người ấy phiền não tập khí không dứt?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Tập khí chẳng phải phiền não; thân và miệng của hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật có việc tội như tướng dâm dục, sân hận, ngu si, đó là tập khí, người phạm phu làm nó thời mắc tội. Tập khí ba độc ấy chư Phật không có.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu đạo không có, Niết-bàn cũng không có, cứ sao phân biệt nói đây là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đó đều là do pháp vô vi mà có phân biệt là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật.

Bạch Thế Tôn! Thật do pháp vô vi nên phân biệt có Tu-đà-hoàn cho đến Phật ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Thế Tôn nói có hai việc, đó chẳng phải theo đệ nhất nghĩa; trong đệ nhất nghĩa không nói có hai việc. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa không có ngôn thuyết. Vì Thánh đạo dứt kiết sử nên nói có đời sau.

Tu-bồ-đề thưa: Trong các pháp tự tướng không, đời trước không thể có được, huống gì nói có đời sau: (tiền tế, hậu tế)?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng vậy, đúng vậy! Trong các pháp có tự tướng không, không có đời trước huống gì có đời sau. Nay Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không nên Ta nói đời trước đời sau; trong các pháp tự tướng không đời trước đời sau đều không thể có được. Như vậy, Bồ-tát nên vì pháp tự tướng không mà hành Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát hành pháp tự tướng không, thì không vướng mắc gì, hoặc nội pháp, hoặc ngoại pháp, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi,

hoặc pháp Thanh-văn, hoặc pháp Bích-chi Phật, hoặc pháp Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thường nói Bát-nhã Ba-la-mật vì nghĩa gì gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Được đệ nhất độ hết thấy pháp đến bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi Phật, A-la-hán dùng Bát-nhã ấy được qua bờ kia, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa, phân biệt, trừ lượng, phá hoại hết thấy pháp cho đến vi trần, trong đó không có chút nào chắc thật, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, các pháp như như, pháp tính, thật tế đều vào trong Bát-nhã, vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp hoặc hợp hoặc tán, hoặc sắc hoặc vô sắc, hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Vì sao? Vì Bát-nhã Ba-la-mật ấy vô sắc, vô hình, vô đối, là một tướng, nghĩa là vô tướng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật ấy hay sinh hết thấy pháp, hết thấy lạc thuyết biện tài, chiếu sáng tất cả; Bát-nhã Ba-la-mật ấy ma hoặc ma trời, Thanh-văn, Bích-chi Phật, người, và các hàng Phạm-chí, ngoại đạo; những người oán thù, hung ác không thể phá hoại vị Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì những hạng người kia đều không thể có được trong Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát ấy nên như vậy hành theo nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn hành nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nên hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng nên hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa Đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa loại trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sinh trí, nghĩa như thật trí. Như vậy, Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật nên hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Trong Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa ấy, nghĩa với phi nghĩa đều không thể có được, làm sao Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật nên nghĩ như vậy: Tham dục là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; sân hận, ngu si là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành; hết thấy tà kiến là chẳng phải nghĩa, nghĩa ấy không nên hành. Vì sao? Vì tướng ba độc “như” không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa; vì hết thấy tướng tà kiến “như” không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Lại nữa, Bồ-

tát nên nghĩ rằng: Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, cho đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa; Thí Ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa. Vì sao? Vì khi Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp có thể được hoặc nghĩa hoặc chẳng phải nghĩa. Có Phật, không có Phật thì các pháp tánh vẫn thường trú, không có nghĩa, không có chẳng phải nghĩa. Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật nên xa lìa nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có gì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì hết thấy pháp hữu vi không có tướng làm, vì vậy nên Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

Bạch đức Thế Tôn! Hết thấy Hiền Thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, có sao Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật không có nghĩa, chẳng phải nghĩa?

Phật dạy: Tuy hết thấy Hiền Thánh hoặc Phật hoặc đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng cũng không vì vậy tăng thêm, cũng không vì vậy giảm bớt. Thí như hư không “như” không thể tăng thêm chúng sinh, không thể giảm bớt chúng sinh. Như vậy, Bát-nhã Ba-la-mật của Bồ-tát không thêm không bớt.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật vô vi được trí Nhất thiết chủng chãng?

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-tát học Bát-nhã Ba-la-mật vô vi ấy sẽ được trí Nhất thiết chủng, không vì hai pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Pháp không hai có thể được pháp không hai chãng?

Phật dạy: Không.

Tu-bồ-đề thưa: Pháp hai có thể được pháp không hai chãng?

Phật dạy: Không.

Tu-bồ-đề thưa: Bồ-tát nếu không do pháp hai, không do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật dạy: Không có gì được tức là được, vì thế được, không có gì được.

LUẬN: Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp không có tướng tạo tác, tướng sinh khởi, làm sao phân biệt có ba thừa? Phật chấp thuận ý ấy và nói nhân duyên: Kẻ phàm phu chưa đắc đạo chấp trước năm uẩn, cũng chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi cho nên sinh nghi, làm sao phân biệt có ba thừa? Còn ông

đã đắc đạo, không chấp trước năm uẩn, không chấp trước pháp không, không tạo tác, không sinh khởi, cố sao sinh nghi? Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Ta dùng năm mắt xem còn không thấy các pháp sắc..., huống gì người cuồng không có mắt mà muốn thấy được?

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu không có pháp, không có chúng sinh, vì sao nói có ba nhóm chúng sinh?

Phật đáp: Ta xem chúng sinh một nhóm còn không thể có được thì làm sao có ba? Chỉ vì muốn phá trừ điên đảo cho chúng sinh nên phân biệt có ba. Hạng người phá được điên đảo gọi là nhóm chánh định; hạng người chắc chắn không phá được điên đảo là hạng tà định; hạng người gặp được nhân duyên thì có thể phá, không được thì không thể phá điên đảo là thuộc nhóm bất định; đều là nói theo pháp thế tục, chẳng phải chân đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Phật thật ở trong đệ nhất nghĩa đắc đạo, cố gì đáp với Tu-bồ-đề rằng không?

Đáp: Phật dạy: Tu-bồ-đề vì hàng Bồ-tát mới phát tâm nên hỏi, vì thế Phật đáp không. Vì sao? Vì trong pháp điên đảo chấp có còn không thể trú, huống hồ gì trú trong đệ nhất nghĩa không có gì! Thế nên Tu-bồ-đề nghi: Nếu không trú cả hai nơi, thì sẽ không có Thế Tôn, không được thành Chánh giác? Nên Phật đáp: Thật được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ không trú chỗ nào. Tính hữu vi hư dối không thật, tính vô vi không, không có gì của chính nó, cho nên không thể trú. Trong đây Phật muốn nói rõ việc ấy nên nêu ví dụ hóa Phật: Như hóa Phật không trú trong tính hữu vi, không trú trong tính vô vi mà có thể đi lại thuyết pháp.

Hỏi: Người biến hóa đi lại thuyết pháp thì có thể được, làm sao có thể hành Thí Ba-la-mật được?

Đáp: Không nói người biến hóa thực hành được, mà chỉ mắt chúng sinh thấy tự như có thật hành. Việc biến hóa ấy như trong kinh nói, cho đến tu-phiến-đa. Ý Tu-bồ-đề đã tin chịu, mỗi mỗi nhân duyên người biến hóa và Phật thật không khác nhau, nhưng vẫn còn chút nghi nên hỏi Phật: Nếu không có phân biệt thì phước đức cúng dường Phật thật cho đến khi được Vô dư Niết-bàn không cùng tận, vậy phước đức cúng dường hóa Phật cũng không cùng tận ư? Phật đáp: Cúng dường hóa Phật, Phật thật, phước ấy không khác nhau. Vì sao? Vì Phật chứng được thật tướng các pháp nên phước đức cúng dường không cùng tận, hóa Phật cũng chẳng lìa thật tướng nên cúng dường hóa Phật, tâm không thể khác, phước kia cũng vậy.

Hỏi: Hóa Phật không có công đức mười lực..., làm sao bằng Phật thật?

Đáp: Công đức mười lực... đều vào trong thật tướng, nếu mười lực xa lìa thật tướng thì chẳng phải là Phật pháp, bị rơi vào tà kiến điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy, Phật thật, hóa Phật chắc chắn có thật tướng, cơ sao nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu mắc tội nghịch?

Đáp: Trong kinh chỉ nói đem ác tâm làm thân Phật chảy máu, chứ không nói Phật thật hay hóa Phật. Nếu cúng dường hóa Phật được đầy đủ phước, thì nếu đem ác tâm hủy báng cũng phải mắc tội nghịch; vì người ác định gọi hóa Phật là Phật thật nên đem ác tâm làm Phật chảy máu, bèn mắc tội nghịch.

Hỏi: Nếu như vậy, cơ gì trong Luật tạng nói giết hóa nhân không phạm giới sát?

Đáp: Trong Luật tạng đều vì việc thế gian, nhiếp chế chúng Tăng nên kiết giới, chứ không luận thật tướng. Vì sao? Vì theo Luật tạng có người, có chúng sinh theo giả danh mà kiết giới, vì hộ trì Phật pháp nên không xem tội đời sau nhiều ít. Lại, tội nặng đời sau trong Luật lại xem nhẹ, như đạo nhân đánh chết trâu dê, tội nặng mà giới nhẹ, còn đạo nhân tán thán người nữ thì đối với giới là nặng mà tội đời sau lại nhẹ. Giết trâu dê biến hóa thì mọi người không cơ hiềm cũng không dị nghị nhưng tự mắc tội trong tâm; nếu giết trâu dê thật và trâu dê biến hóa mà tâm không cho là khác nhau thì mắc tội như nhau. Nhưng ý của Phật chế giới là vì bị mọi người cơ hiềm nên là nặng, thế nên trong kinh nói ý nghiệp rất nặng, chứ không phải thân nghiệp, khẩu nghiệp. Như người làm việc bố thí lớn mà không bằng người hành từ tam muội, vì hành từ tam-muội xem chúng sinh không có sở đắc nên tự được vô lượng phước; người tà kiến dứt thiện căn, tuy không nào hại chúng sinh mà bị vào địa ngục A-tỳ. Thế nên cúng dường hóa Phật, Phật thật với tâm bình đẳng thì phước cũng bình đẳng.

Lại nữa, trong đây Phật nói, gác qua việc hóa Phật đầy đủ tướng sáng, nếu có người thấy tượng đất đá mà có từ tâm niệm Phật thì người ấy cho đến khi hết khổ, phước kia không cùng tận. Lại, gác qua việc tượng đất đá, nếu người có tâm cung kính, tuy không thấy tượng Phật mà vì nghĩ đến Phật, dùng hoa rải giữa hư không để cúng dường, phước ấy cũng được dứt hết khổ. Lại gác qua việc rải hoa, chỉ một lần xưng “nam mô Phật”, người ấy cũng cho đến được hết khổ, phước kia không cùng tận.

Hỏi: Tại sao chỉ xưng tụng danh tự “Nam mô Phật” bèn được hết khổ, mà phước kia không cùng tận?

Đáp: Vì người ấy từng nghe công đức của Phật hay độ thoát khổ già, bệnh, chết cho chúng sinh, nên hoặc cúng dường nhiều ít và xưng danh hiệu Phật, được vô lượng phước; cũng đến khi hết khổ, phước không cùng tận. Thế nên, vì phước điền vô lượng nên tuy tâm nhuuyến bố thí, phước kia cũng không cùng tận. Có các nhân duyên và thí dụ như vậy nên Phật thật, hóa Phật không khác nhau. Cúng dường nơi phước điền của Phật, phước kia vô lượng, vì thật tướng hết thấy pháp không khác biệt.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp không phá hoại nên hai Phật không khác, nay Phật phân biệt thuyết pháp, nói ấy là sắc, ấy là thọ, tướng, hành, thức cho đến ấy là hữu vi, ấy là vô vi há không phá hoại thật tướng các pháp ư?

Phật đáp: Nay Tu-bồ-đề! Phật tuy mỗi mỗi phân biệt thuyết pháp, chỉ dùng ngôn thuyết muốn cho chúng sinh được giải thoát, mà tâm Phật không vướng mắc gì. Nếu hai Phật cùng nói với nhau không nên nói danh tự, vì chúng sinh không hiểu kịp Phật nên muốn dẫn chúng sinh hiểu biết mà nói thiện nói ác, như trong kinh Pháp Hoa nói ví dụ Nhà lửa, dùng ba xe để dụ dẫn các người con ra khỏi nhà. Chỉ dùng danh tướng thuyết pháp mà không phá hoại đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề hỏi: Tuy dùng danh tướng vì chúng sinh thuyết pháp, không có thật sự, như vậy há không hư dối ư?

Phật đáp: Thánh nhân nói theo thế tục, trong đó không có chỗ chấp trước danh tướng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Nếu phàm phu nói khổ thì chấp danh thủ tướng, chư Phật và đệ tử miệng nói khổ mà tâm không chấp trước, nếu chấp trước thì không gọi là khổ thánh đế. Khổ đế tức là danh tướng, không có chân thật nhất định, phàm phu chấp trước cũng là danh tướng, không có chân thật nhất định, làm sao trong danh tướng “không” lại chấp trước danh tướng “không”? Nếu trong danh tướng không mà chấp trước danh tướng thì đối với Không ấy cũng nên chấp trước Không; vô tướng cũng nên chấp trước vô tướng, vô tác cũng nên chấp trước vô tác, cho đến tính vô vi cũng nên chấp trước tính vô vi. Pháp ấy đều như tướng khổ đế của phàm phu, chỉ có danh tướng, danh tướng cũng không trú trong danh tướng. Bồ-tát vào trong pháp môn danh tướng ấy trú trong danh tướng Bát-nhã ấy nên quán sát hết thấy pháp không có thật.

Tu-bồ-đề hỏi: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, Bồ-tát làm sao

phát tâm như trong kinh nói?

Phật đáp: Nếu hết thấy pháp chỉ có danh tướng, trong danh tướng, danh tướng cũng không; pháp ấy đều rớt ráo không, vào như, pháp tánh, thật tế; thế nên Bồ-tát có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến có thể dùng pháp tam thừa độ chúng sinh. Nếu pháp có thật tướng nhất định, chẳng phải danh tướng tức là không có sinh diệt, vì không có sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm sao đem pháp Nhị thừa độ chúng sinh? Nếu các pháp chỉ là danh tự suông không có thật, cũng không sinh diệt, vì không sinh diệt nên không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì làm sao có thể độ? Nay Bồ-tát biết hết thấy pháp danh tướng “không” thì xa lìa điên đảo của thế gian, cũng biết danh tướng “không”, cũng xa lìa danh tướng “không”. Như vậy, lìa có lìa không, ở vào trung đạo có thể độ chúng sinh. Ý Phật muốn nói: Bồ-tát hành Bát-nhã trung đạo ấy được trí Nhất thiết chủng.

Bấy giờ Tu-bồ-đề muốn nạn hỏi nên trước ấn định lời Phật, mới hỏi: Thế Tôn nói trí Nhất thiết chủng ư?

Phật dạy: Ta nói trí Nhất thiết chủng.

Lại hỏi: Phật thường nói ba trí, ba trí có gì sai khác?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của Thanh-văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì Nhất thiết là trong sáu căn, ngoài sáu trần mười hai nhập; trí Thanh-văn, Bích-chi Phật biết được tướng chung của pháp ấy đều và vô thường, khổ, không, vô ngã. Đạo chủng trí là trí của Bồ-tát. Đạo có bốn thứ là: Đạo thọ phước lạc trong cõi nhân thiên; nghĩa là gieo trồng phước đức thọ quả báo phước lạc trong trời, người, cộng với ba thừa đạo thành bốn. Pháp của Bồ-tát là dẫn đường cho chúng sinh, đưa vào trong đại đạo. Nếu người không thể vào đại đạo thì đưa vào Nhị thừa; nếu người không thể vào Niết-bàn, thì đưa vào phước lạc cõi người cõi trời, làm nhân duyên cho Niết-bàn. Đạo phước lạc của thế gian là mười điều thiện và phước đức bố thí; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo của Nhị thừa; ba mươi bảy phẩm trợ đạo và sáu Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát, Bồ-tát nên biết rõ ràng các đạo. Bồ-tát dùng Phật đạo để làm lợi mình, lợi người và dùng ba đạo kia chỉ vì chúng sinh; ấy gọi là Đạo chủng trí của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Cớ gì Đạo chủng trí là việc của Bồ-tát.

Phật đáp: Bồ-tát nên đầy đủ hết thấy đạo, cùng đạo ấy giáo hóa chúng sinh, tuy ra vào đạo ấy mà chưa giáo hóa chúng sinh, nghiêm tịnh cõi Phật, thì không thủ chứng; khi đầy đủ việc ấy, vậy sau mới ngồi đạo tràng thủ chứng. Thế nên Đạo chủng trí là việc của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Bồ-tát trú ở chỗ nào thủ chứng thật tế? Ý Tu-bồ-đề

muốn hỏi: Nếu ở trong đạo thủ chứng thì việc ấy không đúng, vì có hai lỗi: Một là người còn có kiết sử không thể có chánh trí rốt ráo thanh tịnh; nếu có thì không khác gì với Phật, nếu khác mà còn phiền não tập khí nên phải có sai lầm. Hai là hết thấy pháp hữu vi đều là hư dối, do hòa hợp nên có, giả danh không có chân thật nhất định, thế nên Phật đáp không. Bấy giờ Tu-bồ-đề hoặc nghĩ rằng: Đạo mà Phật chứng được rất sâu, không thể biết tận đáy, thế nên lại hỏi: Bồ-tát trú chỗ nào thủ chứng thật tế? Phật hỏi ngược lại Tu-bồ-đề.

Hỏi: Cớ gì Phật không đáp thẳng mà hỏi ngược lại Tu-bồ-đề?

Đáp: Tu-bồ-đề đối với đạo sở đắc rõ ràng không lầm, vì quý chuộng pháp sở chứng của Phật, đối với bốn câu hý luận như còn có tâm chấp trước, không hiểu rõ nên hỏi. Vì thế Phật lấy chỗ sở chứng của Tu-bồ-đề hỏi ngược lại: Khi ông đắc đạo là ở trong bốn câu chứng đắc ư? Đáp: Thừa không, con không có chỗ trú mà được sạch hết lậu hoặc. Phật dạy: Ông không có chỗ trú mà tâm được giải thoát, thì nên biết Bồ-tát cũng như vậy, không ở trong bốn câu mà chứng thật tế, cho nên Phật hỏi ngược lại.

Lại có người hỏi: Trong bốn cách đáp, đây là đáp bằng cách hỏi ngược lại.

Hỏi: Tu-bồ-đề ở trong Kim cang tam-muội tâm được giải thoát, cớ gì nói không trú trong đạo?

Đáp: Trú là thủ tướng pháp thật có nhất định; người ấy lại câu thẳng pháp vô vi nên không gọi là trú nơi pháp hữu vi, vì không cần dùng nên không trú trong đó. Lại có người nói: Danh tướng ấy trong pháp phạm phu còn có phân biệt là Kim cang, là giải thoát; còn chứng được pháp vô tướng thì không phân biệt gì. Phật vì pháp vô tướng nên hỏi ngược lại Tu-bồ-đề: Ông không nên lấy danh tướng mà hỏi, ông không nên lấy danh tướng mà vấn nạn.

Trí Nhất thiết chủng là trí của Phật. Trí Nhất thiết chủng là trí thông suốt không ngại đối với hết thấy pháp ba đời, biết rõ lớn nhỏ, tinh thô, không việc gì không biết. Phật tự nói nghĩa của trí Nhất thiết chủng, có hai tướng: Một là thông suốt thật tướng các pháp, là tướng tịch diệt, như nước trong biển lớn, gió không thể lay động, vì nó sâu thẳm, sóng mồi không khởi lên; trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, gió hý luận không thể làm lay động; hai là đối hết thấy pháp có thể dùng danh tướng, văn tự, ngữ ngôn thông suốt rõ ràng vô ngại, bao nhiếp hai việc có không, nên gọi là trí Nhất thiết chủng. Có người nói: Mười trí lực, bốn việc không sợ, bốn trí không ngại, mười tám pháp không sinh đều là tướng trí tuệ

hòa hợp; ấy gọi là trí Nhất thiết chủng. Lại có người nói: Từ Kim cang tam-muội, thứ lớp được vô ngại giải thoát nên hoặc lớn nhỏ, xa gần, cạn sâu, khó dễ không việc gì không biết. Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là trí Nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề nghe xong hỏi Phật: Phật phân biệt trí tuệ có cao, vừa, thấp, vậy phiền não do trí tuệ đoạn trừ có sai khác chăng?

Phật đáp: Không có sai khác. Khi đang đoạn trừ thì có sai khác, đoạn trừ xong rồi thì không có sai khác; thí như lưỡi dao có bén, lụt, nên khi chặt có chậm mau; khi chặt xong không có sai khác. Như Lai đối với phiền não và tập khí đều dứt hết, còn Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ dứt phiền não mà tập khí đang còn.

Tu-bồ-đề hỏi: Ba cách đoạn phiền não như Phật nói là hữu vi hay là vô vi? Phật đáp: Đều là vô vi.

Lại hỏi: Trong pháp vô vi có thể có sai khác chăng?

Phật đáp: Pháp ấy vô tướng, vô lượng, làm sao có thể có sai khác?

Lại hỏi: Nếu không có sai khác thì làm sao nói trong sự đoạn trừ ấy còn sót lại hay không còn sót lại?

Phật đáp: Tập khí không gọi là phiền não thật; có người tuy dứt tất cả phiền não mà nơi thân và miệng cũng có tướng phiền não xuất hiện, phạm phu thấy nghe tướng ấy thì khởi tâm bất tịnh. Thí như A-la-hán Mật-bà-tư-tra năm trăm đời ở giữa loài khỉ, nên nay tuy được thành A-la-hán mà vẫn còn tập khí leo trèo cây cối, người ngu trông thấy liền sinh kiêu mạn nói vị Tỳ-kheo ấy giống như khỉ; vị A-la-hán ấy không có tâm phiền não nhưng còn có thói quen cũ. Lại như A-la-hán Tất-lăng-già-bà-sa năm trăm đời sinh trong nhà Bà-la-môn, tập quen tâm khinh miệt, nên khi được thành A-la-hán mà còn nói với thần sông Hằng rằng: Tiểu tỳ phải ngưng chảy để cho ta đi qua. Thần sông Hằng nổi giận, đến cáo tố với Phật. Phật dạy ông sám hối, ông còn xưng là tiểu tỳ. Tập khí của phiền não thân nghiệp và khẩu nghiệp như vậy, hàng Tiểu thừa chưa dứt sạch, còn Phật không có việc ấy. Như một Bà-la-môn ác khẩu, trong một lúc lấy năm trăm việc mắng Phật, Phật không có sắc giận. Tâm Bà-la-môn bèn hoan hỷ, liền trong một lúc lấy năm trăm việc hay tán thán Phật, Phật cũng không có sắc mừng. Nên biết, phiền não tập khí Phật đã sạch hết, lành và dữ không khác nhau.

Lại, Phật khi mới đắc đạo, từ trong công đức thật đã tỏa ra tiếng tăm tốt đẹp, chỉ có Phật tự biết; và việc Bà-la-môn giết người con gái Phạm-chí Tôn-đà-lị (Sondari), đem xác bỏ bên Tinh xá để vu khống Phật, tiếng dữ đồn xa, Phật đối với hai việc ấy tâm không đổi khác, cũng không lo

mừng. Lại, Phật vào làng Bà-la-môn khát thực, mang bát không trở về, hoặc được hàng trời người cúng dường, hoặc trong ba tháng phải ăn cơm bằng lúa nuôi ngựa, hoặc trời Đế Thích dùng món ăn trời để cúng dường, hoặc Phật ở lại trong rừng A-la-bà-già bị chông gai, gió rét, hoặc ở trong vườn Hoan hỷ, ở trên tảng đá trắng báu lớn của Chư thiên mềm dịu, trơn láng; hoặc nằm trên tọa cụ của Chư thiên... đối với những việc tốt xấu, lành dữ như vậy, tâm Phật không lo mừng. Lại như Đê-bà-đạt-đa đem sân tâm lẩn đá đến Phật, hoặc La-hầu-la đem tâm cung kính chấp tay lễ Phật, đối với hai người ấy, tâm Phật bình đẳng thương yêu như yêu đôi mắt mình. Có những điều gây loạn như vậy, Phật không có tư tưởng đối khác. Thí như vàng thật, đốt, mài, dũa, sắc nó không biến đổi. Phật trải qua các việc ấy, tâm không có thêm bớt, nên có thể biết các tập khí phiền não yêu ghét, Phật đều dứt sạch.

Tu-bồ-đề thưa: Nếu trong thật tướng các pháp hoặc đạo, hoặc Niết-bàn, không có gì của chính nó, nếu không có gì của chính nó thì cơ sao phân biệt đây là Tu-đà-hoàn, đây là Bích-chi Phật chưa dứt hết tập khí, còn Phật đã dứt hết tập khí?

Phật dạy: Ba thừa của bậc thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Tuy nhân nơi vô vi mà có sai khác, song đối với pháp vô vi có thể nói được. Tu-bồ-đề muốn ấn định lời Phật nên hỏi: Thật do pháp vô vi nên có sai khác ư?

Phật đáp: Theo danh tướng ngữ ngôn của thế tục nên có thể phân biệt sai khác, còn trong đệ nhất nghĩa không có phân biệt. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa, hết thấy đường ngôn ngữ dứt, hết thấy chỗ tâm hành dứt, chỉ vì các bậc Thánh đã dứt kiết sử nên nói có đời sau; đời sau là Vô dư Niết-bàn.

Tu-bồ-đề hỏi: Các pháp tự tướng không, nên đời trước không thể có được, huống gì đời sau? Vì sao? Vì nhân đời trước nên có đời sau?

Phật hứa khả lời ấy: Vì chúng sinh không biết các pháp tự tướng không, nên Phật nói đời trước đời sau, chứ trong các pháp tự tướng không, đời trước đời sau không thể có được. Vì sao? Vì trước có sinh thì sau có già chết! Nếu lìa già chết có sinh thì không chết mà sinh? Cái sinh ấy không có nhân duyên? Nếu trước có già chết sau có sinh, không sinh làm sao có già chết? Trước và sau đã không thể có được thì cùng một lúc cũng không thể có được? Vì thế nên nói trong pháp tự tướng không, không có đời trước đời sau. Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên do pháp không tự tướng mà hành Bát-nhã, nội ngoại pháp cho đến Phật pháp đều không vướng mắc.

Hỏi: Từ trước lại đây thường nói tướng Bát-nhã, cứ gì nay còn hỏi?

Đáp: Không chỉ hỏi tướng mà còn hỏi Phật thường nói Bát-nhã Ba-la-mật, lấy nghĩa gì nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vì sự đệ nhất độ hết thấy pháp qua đến bờ kia, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Đệ nhất độ là hàng Thanh-văn dùng trí thấp độ mà qua; hàng Bích-chi Phật dùng trung trí mà qua, còn đối với hàng Bồ-tát dùng thượng trí mà qua, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, phiền não có chín: Thượng, trung, hạ mỗi bậc có ba; trí tuệ cũng có chín bậc: Trí tuệ hạ hạ, là trí từ độn căn Tu-đà-hoàn, cho đến trí thượng hạ là trí của đệ nhất Thanh-văn Xá-lợi-phất; bậc trí thượng trung là trí Bích-chi Phật; bậc trí thượng thượng là Bồ-tát. Dùng thượng thượng trí độ thoát nên gọi là đệ nhất độ. Đối với Thanh-văn, Bích-chi Phật chỉ tướng chung độ thoát, nơi tướng riêng có phần ít. Còn Bồ-tát đối với hết thấy pháp tướng chung, tướng riêng đều biết rõ ràng, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, khi Bồ-tát độ thoát, trí tuệ biết khắp pháp có thể biết, còn hàng Nhị thừa đối với pháp có thể biết, trí không biến khắp được, nên gọi là đệ nhất độ.

Lại nữa, đệ nhất độ là hàng Đại thừa phước đức, trí tuệ, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo đầy đủ nên an ổn đi qua.

Lại nữa, chư Phật, đại Bồ-tát và chư thiên đều đến giúp đỡ, an ổn được độ; như người cỡi thuyền bảy báu, sửa sang dụng cụ đi đường đầy đủ, chắc chắn; trên thuyền đủ thứ đồ ăn ngon, có người dẫn đường tốt, lại gặp gió thuận, thì có thể vượt qua tốt đẹp. Nếu người cỡi chiếc bè cỏ đi qua chỗ ghê sợ thì không gọi là vượt qua tốt.

Lại nữa, Phật nói người ba thừa do Bát-nhã Ba-la-mật mà vượt đến bờ bên kia Niết-bàn, dứt mọi ưu khổ; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật, hết thấy pháp trong ngoài, lớn nhỏ, tư duy, trừ lượng, phân biệt, truy tìm cho đến nhỏ như mảy bụi, không có cái gì bền chắc. Khi đến tướng vi trần thì không thể phân chia; tâm tâm số pháp trong một niệm cũng không thể phân chia; trong Bát-nhã Ba-la-mật ấy tâm và sắc đều phá hoại, truy tìm không thể có được chắc thật; vì nghĩa ấy nên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã là tuệ, Ba-la-mật là đến bờ kia. Bờ kia là cùng tận bờ mé của hết thấy trí tuệ. Trí tuệ là tướng không thể phá hoại, tướng không thể phá hoại tức là Như, thật tế, pháp tính, vì nó thật nên không thể phá hoại; ba việc đó nhiếp vào trong Bát-nhã nên gọi là Bát-nhã

Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát-nhã Ba-la-mật không có pháp với pháp hoặc hợp, hoặc tán, vì rốt ráo không. Bát-nhã Ba-la-mật ấy không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là không có tướng. Nghĩa ấy như trước đã nói. Có các nhân duyên như vậy nên gọi là nghĩa Bát-nhã.

Nay sẽ nói nghĩa Bát-nhã. Nghĩa là Bát-nhã có thể sinh ra tất cả trí tuệ, thiền định, lạc thuyết biện tài. Do lực Bát-nhã nên diễn thuyết một câu mỗi mỗi làm trang nghiêm cùng kiếp không hết. Chỗ mặt trời mặt trăng, sao không thể chiếu đến, Bát-nhã Ba-la-mật chiếu được. Bát-nhã phá bóng tối vô minh tà kiến. Ma hoặc ma dân hoặc người cầu Thanh-văn, Bích-chi Phật, ngoại đạo, người ác không thể phá hoại. Vì sao? Vì Bồ-tát hành Bát-nhã, các người ấy đều không thể có được ở trong Bát-nhã.

Lại nữa, nếu hành giả nhất tâm tín thọ, đọc tụng thì các người ác không thể tìm được chỗ thuận tiện, hướng gì hành giả nhớ nghĩ đúng, làm đúng như nói. Như vậy, Bồ-tát nên hành nghĩa Bát-nhã ấy. Nghĩa Bát-nhã là nghĩa vô thường, nghĩa khổ, không, vô ngã, trí bốn đế, trí tận, trí vô sinh, trí pháp, trí loại, trí thế, trí tha tâm, trí như thật nên hành Bát-nhã. Bát-nhã ấy như biển cả có các báu vật hoặc lớn hoặc nhỏ, duy nhất là ngọc như ý. Bát-nhã cũng có các châu báu trí tuệ, đó là: Bốn thánh hạnh vô thường, khổ, không, vô ngã, mười trí, duy nhất có như thật trí giống như ngọc như ý.

Hỏi: Như phẩm trước nói, hành theo thường hoặc vô thường không gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật, nay cố sao nói: Hành nghĩa vô thường... nên hành Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Tôi đã đáp như trước: Vô thường có hai thứ: Nếu tâm chấp trước hý luận và hý luận vô thường thì không gọi là hành Bát-nhã; nếu không có tâm chấp trước, không hý luận vô thường là phá điên đảo chấp thường. Lại không tự sinh tâm chấp trước, ấy gọi là hành Bát-nhã.

Hỏi: Trong Tam tạng chỉ có mười trí, sao trong đây có thêm trí như thật?

Đáp: Thế nên gọi là Đại thừa. Đại pháp hay hàm thọ tiểu pháp, tiểu pháp không hàm thọ được đại pháp.

Hỏi: Mười trí có thể tướng riêng, còn trí như thật có tướng gì?

Đáp: Có người nói: Biết được thật tướng các pháp là như như, pháp tính, thật tế, gọi là tướng như thật trí. Trong đây Phật nói trí như thật là chỉ cho trí Phật có được. Vì sao? Vì người nào chưa sạch, còn có vô minh thì không thể biết như thật. Hàng Nhị thừa và Đại Bồ-tát tập khí chưa

sạch nên không thể biết khắp hết thấy pháp, hết thấy chủng, không gọi là trí như thật, chỉ có Phật đối với hết thấy vô minh dứt sạch, không còn thừa nên có thể biết như thật.

Hỏi: Nếu ngoài Phật lại không có người nào có trí như thật, thì hàng Nhị thừa làm sao được Niết-bàn, hàng Bồ-tát làm sao được vô sinh nhẫn?

Đáp: Trí như thật có hai: Một là biến khắp, đầy đủ, hai là chưa đầy đủ. Đầy đủ là Phật, chưa đầy đủ là Nhị thừa và đại Bồ-tát. Thí như trong nhà tối, vì cần việc nên đốt đèn; việc làm xong sau lại đốt đèn, ánh sáng càng tỏ thêm. Nhà tối có hai phần, một phần ngọn đèn trước đã trừ, phần thứ hai ngọn đèn sau trừ. Bóng tối phần thứ hai hợp với ánh sáng ngọn đèn đầu, nếu không như vậy thì ngọn đèn thứ hai vô dụng. Như vậy, trí tuệ của hàng Nhị thừa và đại Bồ-tát tuy đã phá vô minh, song phần vô minh, mà trí tuệ Phật trừ được các người trên không thể trừ; không được nói ngọn đèn đầu không chiếu sáng. Như vậy, không được nói trí tuệ của hàng Nhị thừa, Bồ-tát là biết khắp như thật. Trí biết khắp như thật là trí Phật, còn trí như thật là trí chung của Nhị thừa và Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi: Bạch đức Thế Tôn! Nếu trong Bát-nhã thâm sâu, nghĩa và phi nghĩa đều không thể có được, làm sao nói Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã thâm sâu nên hành Bát-nhã?

Phật đáp: Các phiền não tham dục là phi nghĩa không nên hành. Các pháp có ba phần: Các phiền não tham dục là phi nghĩa; các thiện pháp sáu Ba-la-mật... là nghĩa; sắc pháp vô ký nên chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa. Nếu có người đối với phiền não và người gây phiền não sinh tâm oán ghét, thì đối với các thiện pháp sáu Ba-la-mật và người hành thiện pháp sinh tâm thương yêu, còn đối với sắc pháp vô ký và người hành pháp vô ký sinh tâm ngu si thì như trong kinh nói: Phàm phu khi thọ vui sinh tâm tham, khi thọ khổ sinh tâm giận, khi thọ không vui không khổ sinh tâm si. Thế nên nói Bồ-tát nên nghĩ rằng tham dục... là phi nghĩa, không nên nghĩ cho đó là phi, như kinh nói rộng. Trong đây Phật tự nói nhân duyên; pháp lành, pháp dữ, pháp vô ký chỉ một tướng Như, không có nghĩa và phi nghĩa, vì tướng Như không có hai, không có phân biệt.

Lại nữa, khi Phật đắc đạo không thấy một pháp hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa. Thật tướng các pháp dù có Phật hay không có Phật vẫn thường trú, không khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa. Nếu biết như vậy tức là nghĩa, chỉ vì phá trừ tâm phân biệt nên nói không nên hành theo nghĩa và phi nghĩa. Như vậy, Bồ-tát nên hành Bát-nhã Ba-la-mật lìa nghĩa và

phi nghĩa.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Có gì Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải nghĩa chẳng phải phi nghĩa?

Phật dạy: Hết thấy pháp không có tướng tác khởi, không có tướng năng tác, sở tác, làm sao Bát-nhã lại khởi lên nghĩa và chẳng phải nghĩa?

Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu hết thấy chư Phật và đệ tử đều lấy vô vi pháp làm nghĩa, có sao Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật không thể khởi tác nghĩa và chẳng phải nghĩa.

Phật đáp: Hết thấy thánh nhân tuy lấy pháp vô vi làm nghĩa mà không thêm không bớt. Trong kinh này nói thí dụ: Như hư không Như, không thể thêm chúng sinh, không thể bớt chúng sinh, vì hư không, không có pháp nên không có nghĩa và chẳng phải nghĩa, huống gì hư không Như! Hư không tuy không có pháp song hết thấy nhân gian nhân nơi hư không mà có được sự tạo tác; Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, tuy vô tướng vô vi, mà nhân nơi Bát-nhã có thể tu các Phật đạo, năm Ba-la-mật. Vì tâm chấp trước nên nói Bát-nhã không có nghĩa và chẳng phải nghĩa; không có tâm chấp trước nên nói thật nghĩa đệ nhất. Vì theo thế tục để nên nói nghĩa, còn trong đệ nhất nghĩa để không có nghĩa.

Lại nữa, Bát-nhã có hai: Một là hữu vi, hai và vô vi. Học hữu vi Bát-nhã có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật, trú trong mười địa; học vô vi Bát-nhã, dứt sạch hết thấy phiền não và tập khí, thành Phật đạo. Nay Tu-bồ-đề hỏi Phật: Bồ-tát học vô vi Bát-nhã được Nhất thiết trí, làm sao nói không có nghĩa?

Phật đáp: Tuy được Nhất thiết trí, chẳng vì hai pháp nên được. Phân biệt thủ tướng gọi là hai pháp.

Lại hỏi: Pháp không hai có thể được pháp không hai ư?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp không hai tức là vô vi. Vô vi không có tướng đắc và không đắc, vì pháp vô vi không thể hành.

Lại hỏi: Nếu do pháp không hai không được, thì có thể do pháp hai được pháp không hai chăng?

Phật đáp: Không. Vì sao? Vì pháp hai hư dối, không thật, làm sao hành pháp không thật được pháp thật?

Lại hỏi: Nếu chẳng do pháp hai, chẳng do pháp không hai, làm sao được trí Nhất thiết chủng?

Phật đáp: Không có sở đắc tức là đắc. Trong đây hai và không hai tức là không có phân biệt, đều không có sở đắc. Không có sở đắc ấy không do có sở đắc mà hành. Tuy hành pháp hữu vi, không có sở đắc

ấy, vì tâm không thủ tướng nên không có sở đắc. Vì sao? Vì hành hợp với không, vô tướng, vô tác vậy.

⑨